

Bản án số: 527/2022/DS-PT

Ngày: 30 - 8 - 2022

V/v: Tranh chấp đòi nhà.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Thẩm phán:

1. Bà Đỗ Thị Hòa;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Lê Huỳnh Thiện - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30/8/2022, tại Phòng xử án dân sự Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2022/TLPT-DS ngày 28/6/2022, về việc: “Tranh chấp đòi nhà”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 188/2022/DS-ST ngày 24/03/2022 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H bị bà Trương Thu C (đồng bị đơn) kháng cáo và Viện Kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3833/2022/QĐ-PT ngày 14/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10626/2022/QĐ-PT ngày 11/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Tôn Thất K**, sinh năm 1937 (vắng mặt).

Địa chỉ: 222/11 Võ Thành T, Phường M, quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Phước L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Căn 3.11 Chung cư 482A Nơ Trang L, Phường B, quận B, Thành phố H (Hợp đồng ủy quyền ngày 29/4/2021 lập tại Phòng Công chứng B, Thành phố H, số 009414, quyển số 04), (có mặt).

Bị đơn:

1/ **Ông Trần Văn C**, sinh năm 1936 (chết ngày 01/3/2015)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn C: Bà Trần Trương Mỹ D, sinh năm 1982; Cư trú: 329/13 (lầu) Nguyễn Trọng T, Phường M, quận P, Thành phố H, (vắng mặt).

2/ Bà Trương Thu C, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: 329/13 (lầu) Nguyễn Trọng T, Phường M, quận P, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thu C: Bà Bồ Thị V, sinh năm 1956; Địa chỉ: 281/14A Lê Văn S, Phường M, quận T, Thành phố H; Địa chỉ hiện nay: 329/10 Nguyễn Trọng T, Phường M, quận P, Thành phố H (Hợp đồng ủy quyền ngày 12/3/2021 lập tại Văn phòng công chứng B, Thành phố H, số 5406, quyển số 03), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trương Thu C (đồng bị đơn): Luật sư Đoàn Viết N và Luật sư Đinh Thị N – Công ty Luật TNHH Quốc tế Hồng T và đồng nghiệp, Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: LK 9-38 Tổng cục N, T, Thanh Trì, thành phố H (Luật sư Đinh Thị Nguyên có mặt, Luật sư Đoàn Viết N vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Trương Mỹ D, sinh năm 1982 (vắng mặt);

2/ Ông Nguyễn Nhật H, sinh năm 1985 (vắng mặt);

3/ Bà Đỗ Thị Thúy N, sinh năm 1984 (vắng mặt);

4/ Cháu Nguyễn Hoàng Thanh P, sinh năm 2005;

5/ Cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh năm 2008;

6/ Cháu Nguyễn Hoàng H, sinh năm 2017.

Người đại diện theo pháp luật của các cháu Thanh P, Quỳnh A và Hoàng H: Ông Nguyễn Nhật H và bà Đỗ Thị Thúy N, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 329/13 (lầu) Nguyễn Trọng T, Phường M, quận P, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tôn Thất K và người đại diện nguyên đơn là ông Võ Phước L trình bày:

Nhà đất số 315B (nay là số 329/13 lầu) Nguyễn Trọng T, Phường M, quận P, Thành phố H là tài sản của ông Võ Giới S và bà Nguyễn Phước Thủy T theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 2413/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 01/02/2002.

Ngày 01/10/2005, ông Võ Giới S chết không để lại di chúc, không có con. Ngày 21/12/2007, bà Nguyễn Phước Thủy T lập văn bản khai nhận di sản thừa kế của ông Võ Giới S tại Phòng Công chứng số 6, Thành phố H (số 25896). Ngày 07/01/2008, bà Nguyễn Phước Thủy T đứng tên chủ sở hữu nhà đất.

Ngày 23/4/2008, bà Nguyễn Phước Thủy T lập di chúc tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận P, Thành phố H để lại nhà đất nói trên cho ông Tôn Thất K (là em chú bác ruột với bà T); Có giấy khám sức khỏe của Bệnh viện Quận B, Thành phố H.

Ngày 25/5/2008, bà Nguyễn Phước Thủy T chết tại Bệnh viện T theo giấy chứng tử số 21 ngày 26/5/2008 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận P, Thành phố H.

Ngày 16/7/2008, ông Tôn Thất K lập văn bản khai nhận di sản thừa kế của bà T tại Phòng Công chứng M, Thành phố H (số 024772). Ngày 30/7/2008, ông K đứng tên chủ sở hữu nhà đất số 315B (nay là số 329/13 lầu) Nguyễn Trọng T, Phường M, quận P, Thành phố H.

Khi ông Võ Giới S và bà Nguyễn Phước Thủy T còn sống có cho vợ chồng ông Trần Văn C, bà Trương Thu C ở nhờ, lúc đó khóa cổng ra vào sử dụng chung. Từ khi bà Nguyễn Phước Thủy T chết, vợ chồng ông Trần Văn C, bà Trương Thu C vẫn ở trong căn nhà này và đã thay đổi khóa cửa nên ông Tôn Thất K không vào được để lập bàn thờ cho bà Nguyễn Phước Thủy T. Tối ngày 02/8/2008, ông Tôn Thất K có gọi điện thoại cho bà Trương Thu C để báo ngày 03/8/2008 (chủ nhật), ông Tôn Thất K đến dọn dẹp nhà để lập bàn thờ cho Nguyễn Phước Thủy T cúng 100 ngày mất, nhưng bà Trương Thu C từ chối không mở cửa.

Nay ông Tôn Thất K là chủ sở hữu căn nhà, muốn lấy lại nhà đất này. Ngày 16/8/2008, ông Trần Văn C (đồng bị đơn) đã nhận thông báo đòi nhà từ ông Tôn Thất K, giấy báo có thời hạn nhưng vợ chồng ông C, bà C vẫn chưa trả lại nhà cho ông K. Vì vậy, ông Tôn Thất K khởi kiện buộc bà Trương Thu C, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả lại nhà đất tranh chấp trong thời gian sớm nhất. Nguyên đơn xin hỗ trợ cho phía bị đơn các khoản tiền thuê nhà 01 năm và tiền chuyên chở, di dời đồ đạc với giá trị là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn C (chết năm 2005). Bà Trần Trương Mỹ D kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, nhưng vắng mặt và không có bản tự khai nộp cho Tòa án.

2.2. Bà Trương Thu C (ủy quyền cho bà Bồ Thị V đại diện) trình bày: Chồng bà Trương Thu C là ông Trần Văn C, là em ruột ông Võ Giới S (tên thật là Trần Văn L) và bà Nguyễn Phước Thủy T. Năm 2003, vợ chồng ông S, bà T già yếu và đau bệnh, lại không có con, nên gọi vợ chồng bà C, ông C về ở chung tại căn nhà số 315B (nay là số 329/13 lầu) Nguyễn Trọng T, Phường M, quận P, Thành phố H, để tiện việc chăm sóc cho vợ chồng ông S, bà T và bảo quản căn nhà.

Trong quá trình sống chung, vợ chồng bà Trương Thu C, ông Trần Văn C đã hết lòng chăm sóc cho ông S, bà T mỗi khi đau bệnh. Năm 2005, ông S chết, vợ chồng bà C, ông C đã lo toàn bộ chi phí mai táng. Sau khi ông S chết, bà T trở bệnh nặng hơn, sức khỏe và tinh thần thường không ổn định, phải liên tục nhập viện tại Bệnh viện T. Ngày 25/5/2008, bà T chết, vợ chồng bà C, ông C cũng đứng ra lo đám tang và mọi chi phí liên quan.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Thất K, vợ chồng bà C, ông C không đồng ý giao nhà vì theo vợ chồng bà biết, thì di chúc của bà T là giả mạo. Bà C đã có yêu cầu phản tố về việc xem xét tính hợp pháp của di chúc do bà T lập và đề nghị được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà trên; Đồng thời yêu cầu tiền sửa chữa nhà, tiền phụng dưỡng, lo đám tang cho ông S, bà T; tiền điện, tiền nước và tiền tìm chỗ ở mới.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Trương Mỹ D, ông Nguyễn Nhật H, bà Đỗ Thị Thúy N, cháu Nguyễn Hoàng Thanh P, cháu Nguyễn Hoàng H và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh A (ông H và bà N là đại diện theo pháp luật của 03 cháu: P, H, A) vắng mặt và không có bản tự khai nộp cho Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 188/2022/DS-ST ngày 24/03/2022, Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H đã tuyên xử:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tôn Thất K có ông Võ Phước L làm đại diện theo ủy quyền.

1. Buộc vợ chồng bà Trương Thu C, ông Trần Văn C (chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà Trần Trương Mỹ D giao trả lại cho ông Tôn Thất K là toàn bộ nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 315B (nay là số 329/13 lầu) Nguyễn Trọng T, Phường M, quận P, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 2413/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 01/02/2002 ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tôn Thất K có ông Võ Phước L làm đại diện theo ủy quyền hỗ trợ cho gia đình bà Trương Thu C, ông Trần Văn C (chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà Trần Trương Mỹ D số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) chi phí thuê nhà, tiền thuê chở, di dời đồ đạc và thanh toán 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của vợ chồng bà Trương Thu C, ông Trần Văn C (chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà Trần Trương Mỹ D yêu cầu ông Tôn Thất K thanh toán số tiền sửa chữa nhà, tiền phụng dưỡng và tiền lo đám tang cho ông S, bà T, tiền điện nước và tiền tìm chỗ ở mới.

4. Buộc bà Trương Thu C, bà Trần Trương Mỹ D, ông Nguyễn Nhật H, bà Đỗ Thị Thúy N, em Nguyễn Hoàng Thanh P, em Nguyễn Ngọc Quỳnh A và em Nguyễn Hoàng H dọn ra khỏi nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 315B (nay là số 329/13 lầu) Nguyễn Trọng T, Phường M, quận P, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 2413/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 01/02/2002 ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 01/4/2022 và 05/4/2022, bà Trương Thu C (có bà Bồ Thị V đại diện theo ủy quyền) nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao nhà số

315B (nay là số 329/13 lầu) Nguyễn Trọng T, Phường M, quận P, Thành phố H cho bà Trương Thu C tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Ngày 06/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H có Quyết định kháng nghị số 161/QĐ-KN-DS, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 188/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đồng bị đơn là bà Trương Thu C (có bà Bồ Thị V đại diện) không rút đơn kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H rút một phần nội dung kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn bà Trương Thị Chức là Luật sư Đinh Thị N trình bày yêu cầu kháng cáo và các căn cứ kháng cáo như sau:*

Về nội dung: Căn cứ Điều 650 và Điều 658 của Bộ luật dân sự, di chúc của bà Nguyễn Phước Thủy T lập không đúng quy định của pháp luật, việc chứng thực di chúc cũng không hợp pháp. Các lần xác minh của Tòa án tại Bệnh viện T có nội dung mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm không xác minh lại. Phòng Công chứng M, Thành phố H có văn bản xác nhận rằng, bà Trương Thu C có khiếu nại đối với việc khai nhận di sản thừa kế bà Nguyễn Phước Thủy T của ông Tôn Thất K, nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ cơ quan công chứng này đã giải quyết như thế nào đối với khiếu nại của bà Trương Thu C.

Về tố tụng: Vụ án có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dưới 18 tuổi, nhưng cấp sơ thẩm không triệu tập người đại diện theo pháp luật của họ vào tham gia tố tụng trong vụ án; cấp sơ thẩm cũng không tổng đạt hợp lệ cho các đương sự trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, bị đơn bà Trương Thu C đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H xét xử lại vụ án.

** Bà Bồ Thị V là người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn bà Trương Thu C trình bày:* Bà đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư Đoàn Viết N. Tại phiên tòa hôm nay, bà xác định đồng bị đơn bà Trương Thu C có đơn yêu cầu phản tố, ông Trần Văn C (đồng bị đơn) không nộp đơn yêu cầu phản tố. Tại cấp sơ thẩm, bà Trương Thu C rút một phần yêu cầu phản tố đối với các nội dung liên quan đến chi phí sửa chữa nhà, chi phí thuốc, chăm sóc, tang lễ,...cho ông Võ Giới S và bà Nguyễn Phước Thủy T nhưng không nộp đơn xin rút. Bị đơn bà Trương Thu C giữ nguyên yêu cầu phản tố đối với nội dung không công nhận di chúc của bà Nguyễn Phước Thủy T, cho bà Trương Thu C được tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất tranh chấp.

Ông Nguyễn Thành P – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường M, quận P xác nhận rằng, ông xác nhận vào di chúc khi không có mặt bà Nguyễn Phước Thủy T. Điều này hoàn toàn phù hợp vì thời gian này bà Nguyễn Phước Thủy T đang

điều trị tại Bệnh viện T, nên không thể đến Bệnh viện Quận B khám sức khỏe và về Ủy ban nhân dân Phường M, quận P để lập di chúc. Cấp sơ thẩm không triệu tập ông Nguyễn Thành P, ông Nguyễn V để làm rõ việc lập di chúc của bà Nguyễn Phước Thủy T theo yêu cầu của bị đơn là không đúng quy định; Không triệu tập đủ và đúng các đương sự trong vụ án, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bà yêu cầu hủy bản án sơ thẩm như trình bày của Luật sư bị đơn.

** Ông Võ Phước L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Tôn Thất K trình bày:* Ông Tôn Thất K là chủ sở hữu hợp pháp nhà đất số 329/13 (lầu) Nguyễn Trọng T, Phường M, quận P, Thành phố H. Ông Tôn Thất K đã giao thông báo đòi nhà cho vợ chồng ông Trần Văn C, bà Trương Thu C theo đúng quy định. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập đến tòa, còn việc họ có tham gia tố tụng hay không là quyền của họ. Tại cấp sơ thẩm, bà Bồ Thị V có nộp cho tòa văn bản cho rằng bà Trần Trương Mỹ D đang định cư ở nước ngoài, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Bồ Thị V xác định bà Trần Trương Mỹ D đi về giữa Việt Nam và Nga, hiện bà D đang ở Việt Nam, nên việc giao văn bản tố tụng cho bà D tại nhà đất tranh chấp là đúng quy định.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đề nghị được hỗ trợ bị đơn số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên, vì nghĩ đến tình cảm giữa con người với nhau. Bị đơn cho rằng vợ chồng bị đơn có bỏ tiền ra sửa chữa, chăm sóc, thuốc thang cho vợ chồng bà Nguyễn Phước Thủy T, ông Võ Giới S là không đúng, vì vợ chồng bà T là cán bộ cao cấp, lương cao, đời sống kinh tế khá giả. Vì vậy, nguyên đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H; Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H trình bày nội dung kháng nghị và các căn cứ kháng nghị; Phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:*

Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Đơn kháng cáo của bà Trương Thu C (đồng bị đơn) nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H làm trong thời hạn luật định, hợp lệ.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H rút một phần nội dung kháng nghị tại mục 3.4 và mục 3.5 của Quyết định kháng nghị số 161/QĐ-KN-DS ngày 06/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H, cụ thể:

- Vụ án có các bị đơn là ông Trần Văn C và bà Trương Thu C. Ông Trần Văn C chết, có bà Trần Trương Mỹ D (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C). Tuy nhiên, Tòa chỉ mới xác định bà Trần Trương Mỹ D là người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông C khi vụ án được đưa ra xét xử. Tòa chưa làm rõ yêu cầu

của bà D về yêu cầu phản tố mà quyết định “Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn” là giải quyết vụ án chưa đầy đủ.

- Trong vụ án này, Tòa án tuyên bị đơn trả căn nhà trên cho nguyên đơn mà không xem xét công sức đóng góp của bị đơn trong việc sửa chữa căn nhà là giải quyết chưa triệt để yêu cầu của đương sự (Áp dụng án lệ số 05/2016/AL được hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H giữ nguyên các nội dung kháng nghị còn lại, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 188/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo:

Ngày 24/03/2022, Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H đưa vụ án ra xét xử và tuyên bản án dân sự sơ thẩm số 188/2022/DS-ST. Bà Bò Thị V (đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn bà Trương Thu C) vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 01/4/2022 và 05/4/2022, bà Trương Thu C (có bà Bò Thị V đại diện) nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bà Trương Thu C nộp trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 08/4/2022, Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H nhận được Quyết định kháng nghị số 161/QĐ0-KN-DS ngày 06/4/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H. Quyết định kháng nghị nói trên thực hiện trong thời hạn 15 ngày, đúng quy định tại Khoản 2 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc có mặt, vắng mặt của các đương sự.

Nguyên đơn ông Tôn Thất K và đồng bị đơn bà Trương Thu C vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia tố tụng. Bà Trần Trương Mỹ D (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của đồng bị đơn ông Trần Văn C, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác gồm: Bà Đỗ Thị Thúy N, ông Nguyễn Nhật H (bà N và ông H còn là đại diện theo pháp luật của các cháu Nguyễn Hoàng Thanh P, Nguyễn Ngọc Quỳnh A và Nguyễn Hoàng H) và Luật sư Đoàn Viết N (người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn bà Trương Thu C) đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H rút một phần nội dung kháng nghị tại mục 3.4 và mục 3.5 của Quyết định kháng nghị số 161/QĐ-KN-DS ngày 06/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H. Căn cứ Khoản 2 và Khoản 3 Điều 284 của Bộ

luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung Viện kiểm sát rút kháng nghị.

[2] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H về việc yêu cầu hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tố tụng.

[2.1.1] Tòa chưa thực hiện đúng và đầy đủ việc triệu tập, thông báo, tổng đạt, niêm yết cho các đương sự.

[2.1.1.1] Vào thời điểm năm 2014 đến năm 2015, Tòa án triệu tập đương sự ông H Minh Hải, bà Trần Thùy Linh và bà Trần Hoài Phương tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định, bởi lẽ theo kết quả xác minh của Công an Phường M, quận P (bút lục 78), thì ông Hải, bà Linh và bà Phương tạm trú tại nhà, đất tranh chấp. Sau khi có kết quả xác minh ngày 13/5/2021 (bút lục 363), Tòa án không còn triệu tập ông Hải, bà Linh và bà Phương tham gia tố tụng trong vụ án. Vì vậy, nội dung kháng nghị này là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[2.1.1.2] Ngày 20/6/2015, ông Nguyễn Chí S là đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn C và bà Trương Thu C có đơn xin không tham gia phiên tòa do ông C đã chết ngày 01/3/2015, giấy ủy quyền ngày 21/8/2013 của ông Trần Văn C không còn hiệu lực (bút lục 151). Kèm theo đơn, ông Nguyễn Chí S cung cấp cho Tòa án bản sao giấy chứng tử của ông Trần Văn C (bút lục 150). Xét, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2015/QĐST-DS (bút lục 149) đã được Tòa án nhân dân quận P ban hành ngày 04/6/2015 (trước thời điểm biết thông tin ông Trần Văn C chết), nên Tòa án vẫn triệu tập ông Nguyễn Chí S với tư cách đại diện ông Trần Văn C, còn bà Trần Trương Mỹ D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là đúng quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, sau khi nhận giấy chứng tử xác định ông Trần Văn C đã chết ngày 01/3/2015, cấp sơ thẩm vẫn ghi ông Nguyễn Chí S là đại diện cho ông Trần Văn C trong Biên bản phiên tòa ngày 22/6/2015 (bút lục 153); Giấy triệu tập các ngày 17/5/2021 (bút lục 190, 163), 24/5/2021 (bút lục 167), 05/5/2021 (bút lục 158) vẫn triệu tập ông Trần Văn C tham gia tố tụng, là vi phạm quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là điểm đ khoản 3 Điều 140 của Bộ luật dân sự năm 2015).

[2.1.1.3] Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 184/TB-TA ngày 02/12/2021 của Tòa án nhân dân quận P (bút lục 367) chỉ thông báo cho nguyên đơn, bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 02/12/2021. Thông báo số 184/TB-TA ngày 02/12/2021 không có tên người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Tòa án không tổng đạt thông báo này cho họ, không thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự vắng mặt, là vi phạm quy

định tại Khoản 1 Điều 208, Khoản 3 Điều 210 và Khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1.2] Chưa xác định đúng, xác định không đầy đủ các đương sự trong vụ án dân sự.

Giấy triệu tập đương sự ngày 05/5/2021 (bút lục 157), ngày 17/5/2021 (bút lục 188) ghi sai tên bà Trần Trương Mỹ D thành Trần Mỹ Dung. Mặt khác, theo kết quả xác minh của Công an Phường M, quận P (bút lục 142), thì ông Trần Văn C có vợ là bà Trương Thu C và 01 người con là bà Trần Trương Mỹ D (không còn người con nào khác). Theo quy định tại Khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì sau khi ông Trần Văn C chết, Tòa án phải triệu tập bà Trương Thu C và bà Trần Trương Mỹ D tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn C. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không triệu tập bà Trương Thu C tham gia tố tụng với tư cách này và trước khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2021/QĐXXST-DS ngày 27/12/2021, thì bà Trần Trương Mỹ D cũng không được triệu tập tham gia tố tụng với tư cách này, là vi phạm quy định nêu trên.

[2.1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các cháu: Nguyễn Hoàng Thanh P (sinh năm 2005), Nguyễn Ngọc Quỳnh A (sinh năm 2008) và Nguyễn Hoàng H (sinh năm 2017) chưa đủ 18 tuổi, nhưng cấp sơ thẩm chưa xác định người đại diện hợp pháp để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu, là vi phạm quy định tại Điều 69, Khoản 2 Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 1 Điều 136 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.1.4] Tòa án không triệu tập ông Tôn Thất K (nguyên đơn) và bà Trương Thu C (đồng bị đơn) tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đúng quy định, vì các đương sự này đã ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng. Người đại diện của ông Tôn Thất K là ông Võ Phước L, người đại diện của bà Trương Thu C là bà Bò Thị V có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/12/2021. Kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng Tòa án không triệu tập ông Tôn Thất K, ông Võ Phước L, bà Trương Thu C, bà Bò Thị V tham gia phiên họp và hòa giải, là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

Đối với các đương sự còn lại gồm: Bà Trần Trương Mỹ D (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn C, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), bà Đỗ Thị Thúy N, ông Nguyễn Nhật H (bà N và ông H đồng thời là người đại diện theo pháp luật của các cháu Nguyễn Hoàng Thanh P, Nguyễn Ngọc Quỳnh A và Nguyễn Hoàng H) không được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, là vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự như kháng nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

[2.2] Về nội dung.

[2.2.1] Đối với nội dung kháng nghị, cho rằng: Tại phần nội dung của bản án sơ thẩm có nêu các yêu cầu phản tố của bị đơn, nhưng phần nhận định và quyết định không nêu rõ giải quyết hết các yêu cầu phản tố của bị đơn. Mặt khác, tại phần nội dung bản án không nêu nội dung bị đơn rút yêu cầu phản tố, nhưng phần nhận định của Tòa án ghi nhận: “Do bị đơn rút yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử ghi nhận và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phản tố” là vi phạm điểm điểm b,c Khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử nhận thấy, các nội dung kháng nghị này có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ:

[2.2.1.1] Xét, mặc dù ngày 08/9/2008, ông Trần Văn C lập giấy ủy quyền cho bà Trương Thu C tham gia tố tụng trong vụ án (Ủy ban nhân dân quận P chứng thực số 907, Quyền số 17 TP/CC-SCT/HĐGD). Tuy nhiên, vào ngày 15/9/2008, bà Trương Thu C (với tư cách cá nhân) nộp đơn yêu cầu phản tố (bút lục 121), yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

- Hủy di chúc của bà Nguyễn Phước Thủy T lập ngày 23/4/2008, chứng thực ngày 24/4/2008; Đề nghị xem xét tính pháp lý của di chúc, nếu di chúc sai thì bà Trương Thu C xin tiếp tục ở và sử dụng nhà.

- Hoàn trả các khoản tiền (08 khoản) tổng cộng là 754.353.530 (bảy trăm năm mươi bốn triệu ba trăm năm mươi ba nghìn năm trăm ba mươi) đồng.

Ngày 16/9/2008, Tòa án ban hành Thông báo số 159/TB-TA, báo cho bà Trương Thu C phải nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố, số tiền là: 11.510.000 đồng. Ngày 17/9/2008, bà Trương Thu C đã nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án (Biên lai số: 002778, Quyền số 0056 ngày 17/9/2008 của Chi cục THA DS quận P, Thành phố H (bút lục 182)). Cùng ngày 17/9/2008, Tòa án ban hành Thông báo về yêu cầu phản tố số 01/TB-TLVA, thụ lý yêu cầu phản tố của bà Trương Thu C (bút lục 183).

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/4/2010 (bút lục 216, 217), bà Trương Thu C xin rút một phần yêu cầu phản tố về các chi phí mà bà đã bỏ ra (tiền sửa chữa nhà, tiền phụng dưỡng và lo đám tang cho ông S và bà T, tiền điện nước và tiền tìm chỗ ở mới); Giữ nguyên yêu cầu phản tố về việc xem lại tính hợp pháp của di chúc của bà Nguyễn Phước Thủy T và xin được tiếp tục quản lý nhà. Bản án sơ thẩm số 83/2010/DS-ST ngày 19/4/2010 của Tòa án nhân dân quận P quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đình chỉ xét xử phần yêu cầu phản tố mà bị đơn bà Trương Thu C đã rút, chấp nhận nội dung yêu cầu phản tố còn lại của bà C.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn cùng kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H kháng nghị. Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm (bản án số 1383/2010/DS-PT ngày 07/12/2010), hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân quận P giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Khi giải quyết lại vụ án, cấp sơ thẩm không lập biên bản ghi nhận ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu phản tố đã nộp ngày 15/9/2008. Bị đơn bà Trương

Thu C không có đơn xin rút yêu cầu phản tố. Bà Bồ Thị V (là đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thu C) vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Như vậy, trường hợp Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn bà Trương Thu C (có bà Bồ Thị V đại diện) vắng mặt không có lý do chính đáng, không có đơn xin vắng mặt, thì bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố và Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Trương Thu C theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tiền tạm ứng án phí bà Trương Thu C đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước.

Tuy nhiên, trong phần nhận định của bản án sơ thẩm lại cho rằng bị đơn rút yêu cầu phản tố, nên phần quyết định đã đình chỉ yêu cầu phản tố và trả lại tiền tạm ứng án phí cho đương sự, là không đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, phần nhận định của bản án sơ thẩm không ghi rõ bà Trương Thu C rút toàn bộ hay một phần yêu cầu phản tố, nhưng phần quyết định lại đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, là không đúng.

[2.2.1.2] Mặt khác, đồng bị đơn là ông Trần Văn C có ký tên cùng bà Trương Thu C trong Bảng tính tổng chi phí ngày 09/9/2008 (bút lục 120), yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn 07 khoản với tổng số tiền là: 30 lượng vàng SJC và 467.213.530 (bốn trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm mười ba nghìn năm trăm ba mươi) đồng. Nhưng ông Trần Văn C không có đơn yêu cầu phản tố trong vụ án, nên Tòa án chưa thụ lý yêu cầu phản tố của ông Trần Văn C. Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm lại đình chỉ yêu cầu phản tố của vợ chồng bà Trương Thu C, ông Trần Văn C (chết, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Trần Trương Mỹ D), về việc yêu cầu ông Tôn Thất K thanh toán tiền sửa chữa nhà, tiền phụng dưỡng và tiền lo đám tang cho ông S, bà T, tiền điện nước và tiền tìm chỗ ở mới, là không đúng quy định của pháp luật và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2.2] Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì: *“Tòa án chỉ áp dụng quy định thời hiệu khởi kiện theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc”*. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, nhưng cấp sơ thẩm nhận định vụ án còn thời hiệu khởi kiện là không đúng như kháng nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

[2.3] Ngoài các vi phạm như đã phân tích, cấp sơ thẩm còn thực hiện không đúng thủ tục tổng đạt, niêm yết cho các đương sự vắng mặt theo quy định tại Khoản 5 Điều 177 và Điều 178 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ kết quả trả lời của Công an Phường M, quận P, Thành phố H (bút lục 76, 358), thì: Bà Trần Trương Mỹ D có hộ khẩu tại nhà 329/13 (lầu) Nguyễn Trọng T, Phường M, quận P, Thành phố H; hiện đương sự không cư ngụ tại địa chỉ trên, đang ăn học ở Nga. Tại bản tự khai ngày 21/3/2022 (bút lục 365-366), bà Trương Thu C khai nhận, con gái bà là Trần Trương Mỹ D đã rời Việt Nam

từ năm 1989, có Quốc tịch Nga từ năm 2020, hiện cư trú tại Mát-xcơ-va, phố Hồ, căn hộ 104, nhà số 35.

Như vậy, nếu đương sự cung cấp được tài liệu, chứng cứ xác định bà Trần Trương Mỹ D cư trú tại Nga, thì khi giải quyết vụ án, Tòa án phải xem xét về thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 37 và Khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trường hợp đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ xác định nơi cư trú của bà Trần Trương Mỹ D tại nước ngoài, thì xác định nơi cư trú cuối cùng của bà D tại địa chỉ 329/13 (lầu) Nguyễn Trọng T, Phường M, quận P, Thành phố H. Khi tổng đạt cho bà D (kể cả các đương sự khác, nếu không tổng đạt trực tiếp được), phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt, có xác nhận của đại diện Tổ Dân phố hoặc Công an phường, đồng thời thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng cấp sơ thẩm đã không thực hiện đúng theo quy định nói trên, cụ thể: Các biên bản không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo không có xác nhận của đại diện Tổ Dân phố hoặc Công an phường: Tổng đạt cho bà Trần Trương Mỹ D, bà Trương Thu C (bút lục 236, 250), tổng đạt cho bà Bồ Thị V (bút lục 276); Không thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng cho bà Trần Trương Mỹ D mà tổng đạt thông qua người thứ ba (bút lục 292, 296, 303).

[3] Đối với kháng cáo của bà Trương Thu C (có bà Bồ Thị V đại diện), về việc yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích nói trên. Các yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao nhà đất tranh chấp cho bà Trương Thu C tiếp tục quản lý và sử dụng, sẽ được xem xét theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết lại vụ án.

Từ các phân tích nói trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H và chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trương Thu C (có bà Bồ Thị V đại diện), hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 188/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm, nên bà Trương Thu C không phải nộp. Hoàn trả cho bà C tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số AA/2021/0029339 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 284, Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H tại mục 3.4 và mục 3.5 của Quyết định kháng nghị số 161/QĐ-KN-DS ngày 06/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H.

2. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thu C (có bà Bồ Thị V đại diện theo ủy quyền).

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 188/2022/DS-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H xét xử vụ án “Tranh chấp đòi nhà”, giữa nguyên đơn là ông Tôn Thất K và bị đơn là ông Trần Văn C (chết ngày 01/3/2015), bà Trương Thu C.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thu C không phải nộp. Hoàn trả cho bà Trương Thu C (bà Bồ Thị V nộp thay) tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số AA/2021/0029339 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố H.

Các đương sự thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- TAND quận P;
- Chi cục THADS quận P;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ánh